

Bản án số: 26/2025/HS-ST

Ngày: 30/5/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM THỦY, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Vũ Thị Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Đình Tài; Ông Nguyễn Ngọc Tính.

- **Thư ký phiên toà:** Bà Triệu Thị Yên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Việt Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2025/TLST-HS, ngày 28 tháng 02 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 03 năm 2025; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 01/2025/TB-TA ngày 09 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/HSST-QĐ ngày 21 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16/2025/HSST-QĐ ngày 20 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Quách Thị L, tên gọi khác: không, sinh ngày 29/5/1993; tại: xã C, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: TDP T, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; Số CCCD: 038193038865; Nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Quách Văn N, sinh năm 1961 và bà Nguyễn Thị T năm 1960; chồng là Trịnh A T1 sinh năm 1991 và 02 con, con lớn nhất sinh năm 2014, con nhỏ nhất sinh năm 2019. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Trương Thị H T2 sinh năm 1986; địa chỉ: TDP Đ, thị trấn P, huyện C, tỉnh Thanh Hóa; có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 31/01/2025 Cơ quan CSĐT Công an huyện C được tố giác tội phạm của chị Trương Thị H T2 về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Quách Thị L1 trình điều tra xác định như sau:

- Lần thứ nhất: Vào ngày 21/05/2022, Quách Thị L2 chị T2 vay 64.400.000đ với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 5.796.000đ/1 tháng, trong đó 60.000.000đ Liều đưa tiền mặt, còn 4.400.000đ do chị T2 nợ tiền hàng của L3 bị cáo L4 tổng vào tiền gốc vay. Chị T2 viết giấy vay tiền đưa cho L5 giữ, trong giấy vay tiền không thể hiện lãi suất. Đến ngày 10/6/2022 chị T2 trả cho L4 579.000đ. Trong đó, 36.715.000đ tiền gốc và 3.864.000đ tiền lãi. Số tiền gốc còn lại của khoản vay này là 27.685.000đ.

Đối với lần vay này: Số ngày vay thực tế là 20 ngày. Số tiền lãi chị T2 thực tế đã trả cho bị cáo L6 3.864.000đ. Số tiền lãi được thu tối đa của khoản vay này theo Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là 706.000đ. Số tiền bị cáo L thu lợi bất chính là 3.158.000đ.

- Lần thứ hai: Vào ngày 25/5/2022 Quách Thị L2 chị T2 vay 30.000.000đ, với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 4.500.000đ/1 tháng. Chị T2 viết giấy vay tiền đưa cho L5 giữ, trong giấy vay tiền không thể hiện lãi suất. Đến ngày 14/6/2022, L và chị T2 thống nhất cộng hai gói vay ngày 21/05/2022 và ngày 25/05/2022 thành một gói vay là 57.685.000đ, với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 8.652.000đ/1 tháng. Tính đến ngày 12/12/2023 chị Trương Thị H T2 đã trả cho Quách Thị L7 tiền gốc là 47.685.000đ và tiền lãi là 38.234.000đ. Sau đó chị T2 không còn khả năng trả lãi nữa, nên Quách Thị L8 chị T2 thống nhất với nhau chị T2 không phải trả lãi nữa. Hiện nay chị T2 còn nợ bị cáo L10.000.000đ tiền gốc.

Đối với lần vay này: Số ngày vay thực tế là 570 ngày. Số tiền lãi chị T2 thực tế đã trả cho bị cáo L6 38.234.000đ. Số tiền lãi được thu tối đa của khoản vay này theo Bộ luật Dân sự (20%/1 năm) là 4.154.000đ. Số tiền bị cáo thu lợi bất chính là 34.020.000đ.

Như vậy, từ tháng 05/2022 đến ngày 03/01/2025, Quách Thị L9 cho chị Trương Thị H T2 vay tổng số tiền 94.400.000đ với lãi suất từ 3.000đ/1 triệu/1 ngày đến 5.000đ/1 triệu/1 ngày, tương ứng lãi suất là 109,5%/1 năm và 182,5%/1 năm cao hơn 5,475 lần – 9,125 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự (20%/1 năm) và thu được số tiền lãi là 42.098.000đ. Trong đó, số tiền lãi theo đúng quy định là 4.920.000đ. Số tiền thu lời bất chính là 37.178.000đ.

Tại bản Cáo trạng số 20/CT-VKSCT ngày 25/02/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hoá truy tố bị cáo Quách Thị L về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 201; khoản 1 Điều 35; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, b khoản 1 Điều 46; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Đề nghị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền đối với bị cáo Quách Thị L từ 70.000.000đ đến 80.000.000đ.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị truy thu của bị cáo số tiền **84.400.000đ** là số tiền bị cáo cho chị T1 vay và 4.920.000đ tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm; Truy thu của chị Trương Thị H T2 số tiền 10.000.000đ là khoản tiền gốc vay của bị cáo. Buộc bị cáo phải trả lại cho chị Trương Thị H T2 số tiền thu lợi bất chính là 37.178.000đ.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu ngân sách nhà nước 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu IP 6s Plus là điện thoại thu của bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của **Cơ quan Cảnh sát điều tra C**, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy, Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, vật chứng thu giữ và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nên HĐXX đủ cơ sở xác định: Từ tháng 5 năm 2022 đến ngày 03 tháng 01 năm 2025, tại Tổ dân phố T, thị trấn P, huyện C cho Trương Thị H T2 vay lãi nặng hai lần tổng số tiền 94.400.000đ, với lãi suất cho vay 3.000 đồng/1 triệu/ 1 ngày và 5.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày tương ứng với lãi suất 109,5%/ 1 năm và 182,5%/ 1 năm, cao gấp 5,475 lần - 9,125 lần mức lãi suất cao nhất được quy định trong Bộ luật dân sự. Tổng số tiền lãi bị cáo đã thu được là 42.098.000đ. Trong đó, số tiền lãi được

thu theo quy định là 4.920.000đ. Số tiền lãi thu lợi bất chính là 37.178.000đ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Thủy truy tố là có căn cứ đúng pháp luật.

[3]. Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi cho vay lãi nặng của bị cáo đã xâm phạm đến chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích của công dân. Do đó, phải xem xét, xử lý bị cáo hình phạt phù hợp với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo, để giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

[5]. Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[6]. Về hình phạt và biện pháp tư pháp: Căn cứ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, do đó xét thấy chỉ cần áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung cũng có tác dụng giáo dục, cải tạo đối với bị cáo và phòng ngừa chung.

[6.1]. Đối với số tiền gốc Quách Thị L cho Trương Thị H T2 vay là 94.400.000đ là phương tiện phạm tội nên cần truy thu sung vào ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên chị T2 đã trả cho bị cáo số tiền 84.400.000đ do đó buộc truy thu số tiền này của bị cáo. Chị T2 còn nợ bị cáo 10.000.000đ chưa trả, do đó, buộc phải truy thu của chị T2 để sung ngân sách nhà nước.

[6.2]. Đối với khoản tiền lãi tương ứng với mức lãi suất 20%/năm mà bị cáo nhận từ người vay tương đương với số tiền 4.920.000đ là tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Số tiền 37.178.000đ là tiền lãi thu lợi trái quy định của pháp luật, do đó buộc bị cáo phải trả lại cho chị Trương Thị H T2

[7]. Về xử lý vật chứng: Tịch thu sung ngân sách nhà nước 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6S Plus màu ghi, số IMEI: 355730071563855 và 01 thẻ sim ghi số 8984048000935205159 là điện thoại bị cáo sử dụng để thực hiện hành phạm tội.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 35; Điểm a, b khoản 1 Điều 46; điểm a khoản 1 Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 2015. Căn cứ khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Khoản 1 Điều 21; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Quách Thị L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

1. Xử phạt: Bị cáo Quách Thị L phạt tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng).

2. Biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng:

- Truy thu sung ngân sách nhà nước của bị cáo Quách Thị L 7 tiền 84.400.000đ (*Tám mươi tư triệu bốn trăm nghìn đồng*), đây là tiền bị cáo cho vay và số tiền 4.920.000đ (*Bốn triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng*) là tiền lãi bị cáo thu theo quy định của Bộ luật dân sự.

- Truy thu sung ngân sách nhà nước của chị Trương Thị H T2 số tiền 10.000.000đ (*Mười triệu*) tiền gốc chị T2 vay chưa trả cho bị cáo L.

- Buộc bị cáo phải trả cho chị Trương Thị H T2 số tiền lãi thu lợi bất chính là 37.178.000đ (*Ba mươi bảy triệu một trăm bảy mươi tám nghìn đồng*).

Xử lý vật chứng: Tịch thu sung Ngân sách nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu iPhone 6S Plus màu ghi, số IMEI: 355730071563855 và 01 thẻ sim ghi số 8984048000935205159 của bị cáo Quách Thị L (theo biên bản giao nhận tang vật ngày 25/02/2025).

3. Về án phí: Bị cáo Quách Thị L phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Quách Thị L 10 quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trương Thị H T2 có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND H. Cẩm Thủy;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp;
- CQĐT Công an tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS H. Cẩm Thủy;
- Bị cáo; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Dung